

Gạo

- Mặc dù thị trường xuất khẩu có những tín hiệu tốt, nhưng giá lúa gạo tại các tỉnh ĐBSCL trong tuần vẫn tiếp tục xu hướng giảm. Giá lúa IR 50404 tươi chỉ còn 5.100 – 5.200 đ/kg so với mức giá 5.500 – 5.600 đ/kg tuần trước đó; lúa IR 50404 khô có giá 6.000 - 6.100 đồng/kg, giảm 200 - 300 đồng/kg so với mức giá ngày 12/12 (giá thấp nhất kể từ đầu vụ hè thu tới nay).
- Giá thóc tẻ thường tại Kiên Giang trong tuần giảm nhẹ, giảm 50 đ, xuống còn 6.450 đ/kg
- Giá gạo thành phẩm XK trong tuần tăng 200-300 đ/kg tại Tiền Giang lên mức 8.800 – 9.500 đ/kg.
- Dù giá lúa, gạo đã rớt xuống mức giá thấp nhất kể từ đầu vụ hè thu đến nay nhưng tâm lý chung của các doanh nghiệp kinh doanh gạo nội địa, lẫn cánh thương lái vẫn tiếp tục nằm chờ hoặc chỉ hoạt động theo kiểu “đoán giá mua hàng”, tức mua thấp hơn mức giá tại thời điểm thực hiện giao dịch nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh. Đây cũng là nguyên nhân kéo giá lúa những ngày qua tiếp tục đi xuống.
- Hiệp hội lương thực Việt Nam (VFA) vừa có quyết định tăng giá sản xuất khẩu gạo 5% tằm thêm 10 USD/tấn, lên 500 USD/tấn, FOB, đây là lần thứ 8 VFA tăng giá sản xuất khẩu gạo trong năm nay. Mức giá sản xuất khẩu gạo mới này được chính thức áp dụng vào hôm 22/12.

Giá gạo bán lẻ tại một số thị trường trong tuần (+/- so với tuần trước) .

ĐVT: đ/kg

	Tiền Giang	Đồng Tháp	Kiên Giang
Thóc tẻ thường	6.500 (-1.000)	6.700 -6.800	6.500 (-50)
Gạo NL L1 (trắng) Cty LT mua	9.500 (+600)	8.100	8.500
Gạo NL L2 (chà lứt)	8.600 (+400)	8.000	8.400
Gạo thành phẩm XK 5%	9.500 (+300)	9.300	8.100-8.200
Gạo thành phẩm XK 25%	8.800 (+200)	8.400	7.900-8.000

Giá gạo xuất khẩu

Chủng loại	Đơn giá	Cảng, cửa khẩu
Gạo thom 5% tằm sortexed	725 USD/tấn	Chi cục HQ Cảng Mỹ Thới An Giang

Thủy sản

- Giá thủy sản tại Tp.Hồ Chí Minh tăng 1.000 – 25.000 đ/kg (tăng 4%-5%) trong tuần. Lượng thủy hải sản tươi về chợ đầu mối Bình Điền bình quân 793 tấn/ngày, tăng 38 tấn/ngày (tăng 5%) so với tuần trước. Đối với các thủy hải sản khô bình quân về chợ 6 tấn/ngày, xấp xỉ lượng hàng tuần trước.
- Giá tôm khô các loại tăng 50.000 – 100.000đ/kg (8%-23%) do gần Tết và hút hàng.
- Theo Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, ước tính đến đầu tháng 12/2011, diện tích nuôi cá tra đạt hơn 5.300 ha, sản lượng gần 1 triệu tấn.
- Sau một thời gian ngắn giá cá tra nguyên liệu duy duy trì ở mức cao, thì hiện điệp khúc rớt giá lại tiếp tục tái diễn, dù nguyên liệu vẫn đang trong tình trạng khan hiếm. Tại An Giang, so với mức giá đỉnh 28.500 - 29.000 đồng/kg đối với cá tra đạt tiêu chuẩn xuất khẩu được xác lập cách đây không lâu, hiện đã giảm 3.000 - 4.000 đồng/kg. Nguyên nhân là do nguồn cá tra nguyên liệu đã tăng trở lại cùng với việc một số thị trường nhập khẩu lớn đang chững lại sau khi họ nhập đủ hàng cho mùa Giáng sinh và Tết dương lịch.

Giá thủy sản tại một số thị trường trong tuần

ĐVT: VND/kg

	Tiền Giang	Hồ Chí Minh	An Giang
Cá tra	25.000- 26.000	27.000	25.000 – 26.000
Cá thu		100.000 (+5.000)	
Cá bạc má		46.000	
Cá nục	24.000	32.000	
Tôm sú loại 40 con/kg	100.000	240.000 (+25.000) (loại lớn)	
Tôm càng L1	160.000		200.000
Tôm khô L2	250.000	650.000 (+50.000)	

Giá thủy sản xuất-nhập khẩu

Chủng loại	Đơn giá	Cảng, cửa khẩu
Xuất khẩu		
Cá tra cắt khúc đông lạnh	2,71 USD/kg	Chi cục HQ Cảng Mỹ Thới an Giang
Cá tra nguyên con bỏ đầu đông lạnh	0,96 USD/lbs	Chi nhánh Chi cục HQ Cảng Đồng Tháp
Cá đen fillet	6,2 USD/kg	Chi cục HQ Cảng Ba Ngòi Khánh Hòa
Cá tra FILLET đông lạnh	2,27 USD/kg	Chi nhánh Chi cục HQ Cảng Đồng Tháp
Cá hồi cắt lát sushi Toro thành phẩm đông lạnh	9,22 USD/kg	Chi cục HQ quản lý hàng gia công HCM
Nhập khẩu		
Cá thu chặt đầu, vi, bỏ nội tạng	3,8 USD/kg	Chi cục HQ Cảng Ba Ngòi Khánh Hòa
Cá cờ chặt đầu, bỏ nội tạng 25 kg up	6,2 USD/kg	Chi cục HQ Cảng Ba Ngòi Khánh Hòa
Cá dứa FILLET PORTION SIZE 4 OZ đông lạnh	2,95 USD/lb	Chi cục HQ Cảng Nha Trang Khánh Hòa
Cá ngừ đại dương LOIN (IQF, 10 LBS/CTN)	2,45 USD/lbs	Chi cục HQ Cảng Qui Nhơn Bình Định
Cá hồi nguyên con còn đầu không nội tạng đông lạnh	1 USD/kg	Chi cục HQ Quản lý hàng gia công HCM
Cá đen nguyên con 7 kg up	3,8 USD/kg	Chi cục HQ Cảng Ba Ngòi Khánh Hòa

Cà phê

- Giá cà phê trong nước tuần qua giảm. Cà phê nhân xô giảm 200 nghìn đồng xuống 38.800 – 39.2000 triệu đồng/tấn (so với giá ngày 22/12). Các doanh nghiệp xuất khẩu

cho biết họ đang gặp khó khăn vì nông dân vẫn găm hàng không chịu bán, dù hoạt động thu hoạch đã được một nửa.

- Giá Arabia tươi giảm 500 đ/kg. Thị trường chờ đợi, sau kỳ nghỉ lễ tết cuối năm, sang đầu năm mới giao dịch hứa hẹn sẽ sôi động hơn.
- Khách hàng Indonesia đang đẩy giá tăng giao dịch do nguồn cung nội địa hạn hẹp và giá của Việt Nam rẻ hơn tới hơn 100 USD/tấn.
- Trung tâm Giao dịch cà phê Buôn Ma Thuật (BCEC) thực hiện giao dịch giao ngay gần 1.000 tấn cà phê tính từ đầu niên vụ 2009-2010 tới nay. Với 9 thành viên mới kết nạp trong năm 2011, đến nay BCEC đã có 74 thành viên, gồm 22 thành viên kinh doanh, 3 thành viên môi giới và 49 thành viên đăng ký bán.

Đơn vị tính: đồng/kg; Giá FOB: USD/tấn

Thị trường	Giá trung bình		Thay đổi	
	Ngày 19/12	Ngày 23/12	Ngày 19/12	Ngày 23/12
Robusta				
FOB (HCM)	1.825	1.830	Trừ lùi: 0	Trừ lùi : -30
ĐakLak	39.100	39.000	0	-200
Lâm Đồng	39.000	38.900	0	-200
Gia Lai	38.900	38.800	0	-200
Đak Nông	39.300	39.200	0	-200
Arabica				
Arabica vùng cao	13.000	13.000	0	0
Arabica vùng thấp	13.000	13.000	0	0

Giá cà phê xuất khẩu

Chủng loại	Đơn giá	Cảng, cửa khẩu
Cà phê Washed Arabica Việt Nam loại 1	4880,37 USD/tấn	ICD Phước Long Thủ Đức
Cà phê chưa rang chưa khử chất cà phê in chủng loại Robusta loại 1	1.951 USD/tấn	Cảng Cát Lái (Hồ Chí Minh)
Cà phê nhân chưa rang chưa khử chất cà	1.999 USD/tấn	ICD III -Transimex (Cang SG)

phê in chủng loại Robusta loại 2, 60kgs/bags		khu vực IV)
Cà phê Robusta Việt Nam loại 1	2.025 USD/tấn	ICD Phước Long Thủ Đức
Cà phê chưa rang chưa khử chất cà-phê-in (Robusta loại 2)- Hàng thối	1.977 USD/tấn	Cảng Cát Lái (Hồ Chí Minh)
Cà phê trung nguyên S-500g, loại I - 500g	3,60 USD/kg	Cửa khẩu Khánh Bình (An Giang)

Cao su

- Giá cao su SVR 3L tại cửa khẩu Móng Cái – Đông Kinh tiếp tục được chào bán quanh mức 21.500 NDT/tấn. Thị trường biên giới vẫn tiếp tục bị đóng cửa. Có tin nói rằng Trung Quốc sẽ mở cửa thị trường biên giới trở lại từ sau ngày mùng 8 tháng Giêng năm Nhâm Thìn.
- Mua lớn tại các nước Đông Nam Á có thể đẩy tăng giá cao su trong vài ngày tới.

Giá cao su tại cửa khẩu Móng Cái Đông Kinh

ĐVT: NDT/tấn

Loại	19/12	23/12
SVR3L	21.500	21.500

- Tuần này giá cao su SVR lại trở lại đà tăng trưởng. Trong tuần giá cao su đã tăng 800 – 1.400 đ/kg tùy theo từng loại cao su. Cao su SVR 10 mua vào và bán ra ngày 23/12 ở mức 68.000 – 69.100 đ/kg, tăng 1.400 đ/kg so với ngày đầu tuần. Mức tăng cao nhất là cao su SVR L, với mức tăng 2.200 đ/kg lên mức 72.700 đ/kg.
- Tại Bình Phước giá mủ cao su vẫn giữ ở mức giá 16.200 đ/kg; cao su đã sơ chế có giá 20.000 đ/kg. Tuy nhiên, tại Đồng Nai, giá mủ cao su nước giảm 4.000 đ, xuống còn 13.000 đ/kg với tuần trước. Mủ cao su đông có giá 21.000 đ/kg.

Giá cao su SVR (F.O.B.) tại Malaysia ngày 23/12

(+/- so với tuần trước)

Chủng loại	Đ/kg		UScents/kg	
	Mua	Bán	Mua	Bán
SVR CV	72.700 (+800)	73.400 (+800)	345,50 (+3,54)	348,89 (+3,54)
SVR L	72.700 (+2.200)	71.700 (+400)	337,74 (+2,28)	341,13 (+2,28)

SVR 5		69.800 (+1.400)		331,82 (+6,69)
SVR GP		69.600 (+1.400)		330,90 (+6,74)
SVR 10	68.400 (+1.400)	69.100 (+1.400)	325,47 (+6,70)	328,71 (+6,84)
SVR20	68.300 (+1.400)	69.000 (+1.400)	324,83 (+6,69)	328,13 (+6,74)

1 USD = 21.005 VND (Vietcombank)

Giá cao su xuất-nhập khẩu

Chủng loại	Đơn giá	Cảng, cửa khẩu
Nhập khẩu		
Cao su tự nhiên RSS3	3280 USD/tấn	Chi cục HQ CK Xa Mát Tây Ninh
Tấm cao su	30450 JPY/m ²	Chi cục HQ KCN Tân Định Bình Dương
Cao su tự nhiên CSR L	3060 USD/tấn	Chi cục HQ CK Xa Mát Tây Ninh
Cao su thiên nhiên	4,25 USD/kg	Chi cục HQ KCN Trảng Bàng Tây Ninh
Cao su tái sinh	1,35 USD/kg	Chi cục HQ KCN Trảng Bàng Tây Ninh
Cao su tổng hợp XC92-C0875	208,62 USD/thùng	Chi cục HQ KCX và KCN Hải Phòng
Cao su xuất khẩu		
Cao su thiên nhiên SVR3L	4.185,64 USD/tấn	ICD Tây Nam (Cảng Saigon KV IV)
Cao su thiên nhiên sơ chế SVR20 (Xuất xứ VIETNAM). Hàng đóng trong 16 palet - đóng bãi.	3.000 USD/tấn	Cảng khô - ICD Thủ Đức
Cao su thiên nhiên SVR10CV	3.100 USD/tấn	Cảng Tân cảng (Hồ Chí Minh)
Cao su thiên nhiên sơ chế SVR10	3.080 USD/tấn	Cảng Cát Lái (Hồ Chí Minh)
Cao su thiên nhiên đã qua sơ chế SVR 3L (16 pallets). Xuất xứ: Việt Nam	3.400 USD/tấn	ICD Phúc Long (Sài Gòn)
Cao su thiên nhiên SVR10CV	3.319 USD/tấn	Cảng Tân cảng (Hồ Chí Minh)

Hạt tiêu

- Giá hạt tiêu tại các thị trường tiêu thụ lớn tăng 2.000 – 4.000 đ/kg, ở quanh mức 148.000 – 156.000 đ/kg.
- Giá hạt tiêu tại các vùng sản xuất như Gia Lai và Bà Rịa Vũng Tàu trong khi đó giảm, dao động từ 136.000 – 138.000 đồng/kg.

Giá hạt tiêu loại 1 tại một số thị trường

ĐVT: VND/kg

Hà Nội	156.000 (+4.000)
Đà Nẵng	150.000 (+4.000)
Tp.HCM	154.000 (+4.000)
Cần Thơ	148.000 (+2.000)

Hạt điều

- Giá điều thô tại Bình Phước ổn định ở mức giá 36.000 đ/kg; hạt điều nhân W320 giá 80.000 đ/kg và hạt điều nhân W240 có giá 70.000 đ/kg.

Giá hạt điều xuất khẩu

Chủng loại	Đơn giá	Cảng, cửa khẩu
Nhân hạt điều đã qua sơ chế	7,8 USD/kg	Chi cục HQ Phú Yên Bình Định
Nhân hạt đã qua sơ chế loại W240	9,15 USD/kg	Chi cục HQ CK Lao Cai
Nhân hạt điều đã qua sơ chế	8,14 USD/kg	Chi cục HQ Phú Yên Bình Định
Hạt điều nhân các loại LBW320	8,49 USD/kg	Chi cục HQ Phú Yên Bình Định
Nhân hạt điều các loại WW450	8,16 USD/kg	Chi cục HQ KCN Trảng Bàng Tây Ninh
Nhân hạt điều đã qua sơ chế loại: TPW	5,7 USD/kg	Chi cục HQ CK Tà Lùng Cao Bằng

Nhân hạt điều đã qua sơ chế W320	8,9 USD/kg	Chi cục HQ CK Hữu Nghị Lạng Sơn
----------------------------------	------------	---------------------------------

Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu

- Tại Lâm Đồng giá ngô tại chợ đầu mối tăng 1.000 đ lên mức 5.000 đ/kg
- Giá thức ăn chăn nuôi tại Thái Nguyên tăng 10-15.000 đ tùy theo từng chủng loại.

Giá ngô tại một số thị trường

ĐVT: đ/kg

Chủng loại	Thị trường	Đơn giá	tăng giảm so với tuần trước
Ngô hạt thường	Chợ Buôn Đôn (Đắk Lắk)	6.000 (bán lẻ)	-600
	Huyện Eakar (Đắk Lắk)	6.700(bán lẻ)	
Ngô hạt CP888	Huyện KrongPak (Đắk Lắk)	6.600 (bán lẻ)	
	Huyện KrongPak (Đắk Lắk)	6.200 (giá công trại)	
Ngô hạt VN10	Mường La (Sơn La)	6.000	
Ngô lai hạt khô	Thuận Châu (Sơn La)	6.500	
Ngô hạt đỏ khô	Đồng Nai	6.600	+200
Ngô hạt đỏ tươi	Đồng Nai	4.600	-300

Giá TACN tại một số thị trường

Cà Mau	thức ăn gia súc , gia cầm	250.000	
	thức ăn cho tôm Goobest (10kg)	325.000	
Thái Nguyên	Hỗn hợp Proconco bao 25 kg	310.000	+10.000
	Hỗn hợp đậm đặc Proconco bao 25 kg	420.000	+15.000
Hung Yên –	Cám viên cho heo nái mã số 1071H	10.200	

Yên Mỹ			
	Cám viên cho heo từ 20-40 kg mã số 1031H	10.200	
	Cám viên cho heo tập ăn mã số 1021 H	15.000	
Bắc Ninh	Thức ăn chăn nuôi sản xuất công nghiệp	17.500	

Giá TĂCN nhập khẩu

Chủng loại	Đơn giá	Cảng, cửa khẩu
Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi : Bột lông vũ thủy phân	535 USD/tấn	ICD Phước Long Thủ Đức
Cám mỳ viên - Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi - Hàng phù hợp QĐ số 90/BNN-QĐ	240 USD/tấn	Cảng Hải Phòng
Bột thịt xương lợn (Nguyên liệu sản xuất TĂCN, phù hợp với QĐ 90/2006/QĐ-BNN).	370 USD/tấn	Cảng Hải Phòng
Bột thịt xương bò (thức ăn cho gia súc và gia cầm) - Hàng phù hợp QĐ 90/2006 – BNN PTNT	420 USD/tấn	Cảng Hải Phòng
Khô đậu tương, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi. Hàng phù hợp QD90/2006/QD-BNN. Protein 46.67%, moisture 11.46%, Urease activity 0.05mg, Aflatoxin <50ppb.	432 USD/tấn	Cảng Cái Lân (Quảng Ninh)
Bột bã ngô (Distillers Dried Grains with solubles)- Bổ sung đậm thực vật trong thức ăn chăn nuôi. Hàng NK theo QD 90/QD-BNN	303 USD/tấn	Cảng Hải Phòng

Hóa chất - Phân bón

- Phân Ure NK tại các tỉnh phía Bắc và phía Nam tăng 200 đ lên 11.200 đ/kg.
- Phân DAP tại các tỉnh phía Nam tăng 200-300 đ lên quanh mức 16.200 – 16.500 đ/kg; tại các tỉnh phía Bắc giá ổn định ở mức 16.000 đ/kg.
- Super lân ổn định tại các tỉnh phía Bắc ở mức 3.100 đ/kg; Tại các tỉnh phía Nam tăng 100 đ lên mức 3.300 đ/kg.

Giá phân bón tại một số thị trường trong tuần

ĐVT: đồng/kg

(+/- so với ngày đầu tuần)

Chủng loại	Hà nội	Đà Nẵng	Tp.HCM	Cần Thơ
Phân Ure NK	11.200 (+200)	10.600	11.500	11.200 (+400)
Phân DAP	16.000	15.500	16.500 (+300)	16.200 (+200)
Super lân	3.100	3.100	3.300 (+100)	3.300 (+100)

Giá hóa chất - phân bón xuất nhập khẩu

Chủng loại	Đơn giá	Cảng, cửa khẩu
Phân bón nhập khẩu		
Phân bón DAP, N16% min; P2O5 44%, min – 50 kg/bao TQSX	3750 CNY/tấn	Chi cục HQ Bát Xát Lào Cai
Phân đạm Urea hạt nhỏ, công thức hóa học (NH ₂) ₂ CO, thành phần Nito ≥ 46%	5800000 VND/tấn	Chi cục HQ CK Sóc Giang Cao Bằng
Phân bón URE dạng hạt	510 USD/tấn	Chi cục HQ Bến Lức
Phân DAP (NH ₄) ₂ H ₂ PO ₄ ; N ≥ 16%, P ₂ O ₅ ≥ 44%; 50 kg/bao.	3350 CNY/tấn	Chi cục HQ Bát Xát Lào Cai

Phân đạm Ure hạt đục công thức hóa học (NH ₄) ₂ CO. Hàm lượng N ≥ 46%	440 USD/tấn	Chi cục HQ CK Tà Lùng Cao Bằng
Hóa chất nhập khẩu		
Nhựa hạt tổng hợp HDPE	165 JPY/kg	Chi cục HQ CK Cảng Đà Nẵng KV I
Nhựa Polyme Acrylic	1,39 EUR/kg	Chi cục HQ KCN Việt Hương
Nhựa đường lỏng 60/70 (từ Bitum dầu mỏ), mới 100% hàng rời	585 USD/tấn	HQ Cảng Biên Cái Lân (Quảng Ninh)
Hạt nhựa Polypropylene PPH – T03, chính phẩm dạng nguyên sinh, mới 100%	1625 USD/tấn	Chi cục HQ KCN Sóng Thần Bình Dương
Chất phụ gia mạ Sumer SE-660-0	920 USD/thùng	Chi cục HQ KCX và KCN Hải Phòng
Thuốc màu XR 2521 Leather Chemical – Cross linker 25 kg/drum	26 USD/kg	HQ KCX Linh Trung II (Hồ Chí Minh)
Hợp chất Cacium carbonate granules 3-7mm (25 kg/thùng – dùng để xử lý chất thải)	3,12 EUR/kg	Chi cục HQ Tiên Sơn Hà Nội
Dung dịch điện mạ BORIC ACID (H ₃ BO ₃) (vật tư phục vụ sản xuất dụng cụ y tế)	448,65 USD/thùng	Chi cục HQ Thái Nguyên

Thép và vật liệu xây dựng

- Giá thép tròn phi 8mm VNSX giảm 100 đồng, xuống quanh mức 18.300 – 18900 đ/kg.
- Thép tròn phi 6mm LD tăng giảm tùy theo từng thị trường. Tăng 100-200 đ tại Đà Nẵng và Hà Nội, lên quanh mức 18.700 – 19.100 đ/kg; Giảm 200-300 đ tại Tp.HCM và Cần Thơ còn ở mức 19.100 – 19.600 đ/kg.
- Giá xi măng tăng ở cả hai miền Nam, Bắc tăng 10-200 đ theo từng chủng loại.

Giá vật liệu xây dựng tại một số thị trường tuần qua

Chủng loại	Hà Nội	Đà Nẵng	Tp.HCM	Cần Thơ
Thép				
Thép tròn phi 8mm VN	18.600 (-100)	18.300 (-100)	18.900 (-100)	18.600 (-100)
Thép tròn phi 6mm LD	19.100 (+100)	18.700 (+200)	19.600 (-300)	19.100 (-200)
Xi măng				
Xi măng trắng HP	2.400 (+200)	2.200 (+100)	2.500 (+100)	2.300 (+100)
Xi măng PC 30 VN	1.610 (+10)	1.570 (+20)	1.980 (+20)	1.860 (+20)

Giá vật liệu xây dựng xuất –nhập khẩu

Chủng loại	Đơn giá	Cảng, cửa khẩu
Thép xuất khẩu		
Thép thanh vằn VIS D14C2	18350 VND/kg	Chi cục HQ CK Nam Giang (Quảng Nam)
Thép mạ kẽm thành phẩm đã cắt (sgcc) 0.8x305x649.5	1,15 USD/cái	Chi cục HQ Mỹ Phước – Đội TT Khu Liên hợp
Thép xây dựng Phi6-Phi8 cắt theo quy cách	15000 VND/kg	Chi cục HQ CK Cha Lo Quảng Bình
Thép cuộn D8mm XT3	725 USD/tấn	Chi cục HQ Vĩnh Xương an Giang
Thép ống hộp 30x60x1.0x6m	0,82 USD/kg	Ch cục HQ CK Vĩnh Xương An Giang
Thép cây vằn gân D16 SD390 11.7m	705 USD/tấn	Chi cục HQ CK Vĩnh Xương An Giang
Vật liệu xây dựng xuất khẩu		
Xi măng Duyên Hà BCB40	50 USD/tấn	Chi cục HQ CK Cầu Treo Hà Tĩnh

(đóng đồng nhất 50 kg/bao)		
Xi măng Kim Đỉnh PCB40	1822000 VND/tấn	Chi cục HQ CK Nam Giang (Quảng Nam)
Ngói pro xi măng	1,4 USD/tấm	Chi cục HQ CK Nậm Cắn Nghệ An
Gạch lát LD	3 USD/m ²	Chi cục HQ CK Nậm Cắn Nghệ An
Xi măng kim đỉnh	1697000 VND/tấn	Chi cục HQ CK Nam Giang (Quảng Nam)
Xi măng Hà Tiên 1. Sản xuất tại Việt Nam, hàng mới 100%	53 USD/tấn	Chi cục HQ CK Hoa Lư Bình Phước
Xi măng Hà Tiên (Bao Jumbo). Hàng mới 100%, SX tại VN	49 USD/tấn	Chi cục HQ Khánh Bình An Giang
Xi măng rời Hoàng Mai PCB40	1010 USD/tấn	Chi cục HQ CK Nậm Cắn Nghệ An
Thép nhập khẩu		
Thép cuộn cán nóng, hợp kim, mới 100% qui cách: 9.8 x 1500 x C	640 USD/tấn	Cảng Tân Thuận (Hồ Chí Minh)
Thép cuộn cán nóng, không tráng phủ mạ sơn, hợp kim Bo. SS400B. Hàng mới 100%. KT(mm): (3,8 -9,8) x 1500 x cuộn	720 USD/tấn	Cảng Hải Phòng
Thép tấm không phủ mạ, hợp kim, không tráng kẽm, cán nóng Q345B 11.8x1500x6000(mm)	735 USD/tấn	Cảng Tân Thuận (Hồ Chí Minh)
Dây thép không hợp kim đục tạo hình nguội cha tráng, phủ, mạ	805 USD/tấn	Cảng Tân Thuận (Hồ Chí Minh)

Khoáng sản

Giá than xuất khẩu

Chủng loại	Đơn giá	Cảng, cửa khẩu
Than cốc luyện từ than đá do TQ SX hàm lượng cacbon $\geq 80\%$	2000 CNY/tấn	Chi cục HQ CK Trà Lĩnh Cao Bằng
Than cốc luyện từ than đá, C $\geq 70\%$, độ ẩm $\leq 12\%$, S $\leq 3\%$, cỡ hạt 5-30mm $\geq 95\%$	1600 CNY/tấn	Chi cục HQ Bát Xát Lào Cai
Than cốc luyện từ than đá. Hàm lượng cacbon $\geq 80\%$ TQ SX	1930 CNY/tấn	Chi cục HQ Trà Lĩnh Cao Bằng
Than nguyên khai chưa qua tuyển chọn lẫn đất, đá, sét...	40 USD/tấn	Chi cục HQ CK Lóng Sập Điện Biên

Giá một số mặt hàng tuần qua

Loại	Thị trường	Giá (USD/tấn)	So với tuần trước
Than đá	Châu Âu	109-115	0
Than đá	Nam Phi	100	0
Quặng sắt loại 62% Fe	Châu Á	132	
Tinh quặng Pilbara	Australia	134-136	2

Văn bản pháp luật mới**Cắt giảm thuế nhập khẩu cao su và sản phẩm cao su năm 2012 trong khu vực Mậu dịch tự do ASEAN**

Ngày 20/12/2011, Bộ Tài chính đã thông báo về việc ban hành các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (viết tắt là ATIGA), Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc (viết tắt là ACFTA), Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN-Hàn Quốc (viết tắt là AKFTA) cho giai đoạn 2012-2014 theo các thông tư số 161/2011/TT-BTC, số 162/2011/TT-BTC, số 163/2011/TT-BTC ban hành từ ngày 17/11/2011 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012.

Theo các thông tư này, cao su và sản phẩm cao su sẽ giảm thuế xuống mức 0% vào năm 2012. Thuế suất ATIGA được xây dựng trên nguyên tắc tuân thủ cam kết trong ATIGA. Về cơ bản thuế suất năm 2012-2014 bằng với mức thuế suất đã công bố theo Quyết định số 36/2008/QĐ-BTC ngày 12/6/2008 của Bộ Tài chính về ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CEPT/AFTA giai đoạn 2008-2013 và chỉ bao gồm các sửa đổi, bổ sung đối với những mặt hàng thuộc các ngành đẩy nhanh hội nhập (PIS), có khoảng 1.600 dòng gồm các mặt hàng: thủy sản, cao su và sản phẩm cao su, dệt may, sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị và sản phẩm y tế, gỗ và sản phẩm gỗ, điện tử... sẽ giảm thuế xuống mức 0% vào năm 2012 theo quy định của Hiệp định ATIGA (trong khi Quyết định số 36/2008/QĐ-BTC ngày 12/6/2008, thuế suất năm 2012 của các mặt hàng này là 5%).

Ngoài ra, còn một số mặt hàng cũng cắt giảm thuế nhập khẩu như những mặt hàng nông nghiệp nhạy cảm (thịt gà, chanh bưởi, thóc gạo, thịt hộp...), các mặt hàng xăng dầu, các mặt hàng ô tô nguyên chiếc và xe máy.

Điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế suất ATIGA là hàng hoá phải được nhập khẩu từ các nước ASEAN, có hàm lượng ASEAN từ 40% trở lên và có C/O mẫu D hợp lệ. Hàng hoá được sản xuất tại khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường nội địa, nếu đáp ứng đủ các quy định về xuất xứ và có C/O mẫu D hợp lệ do Bộ Công Thương cấp cũng được hưởng ưu đãi ATIGA.

Chưa tăng thuế NK hạt nhựa EPS, PS

Với đề nghị tăng thuế nhập khẩu (NK) hạt nhựa EPS, PS lên 5% của Công ty TNHH Polystyrene Việt Nam, Bộ Tài chính quyết định hiện chưa tăng thuế NK hạt nhựa EPS và PS.

Bộ Tài chính cho biết, quyết định này được đưa ra dựa trên ý kiến đồng thuận của Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hơn nữa, ngày 1-1-2012 tới đây, Thông tư số 157/2011/TT-BTC ban hành Biểu Thuế xuất khẩu (XK), Biểu Thuế NK ưu đãi 2012 theo danh mục mặt hàng chịu thuế của Bộ Tài chính sẽ có hiệu lực, trong đó, mặt hàng hạt nhựa EPS và PS đều được quy định mức thuế suất thuế NK ưu đãi là 3%. Chính vì thế, đề nghị tăng thuế NK các mặt hàng này của Polystyrene Việt Nam vào thời điểm này là chưa hợp lý.

Được biết, Polystyrene Việt Nam là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam sản xuất hạt nhựa EPS, HIPS, GPPS,... với công suất sản xuất được là 2.500-3.000 tấn/tháng. Thậm chí, với dây chuyền sản xuất mới đi vào hoạt động, công ty có thể sản xuất tới 4.000-5.000 tấn/tháng, đáp ứng 100% nhu cầu trong nước,

Tuy nhiên, do sự cạnh tranh gay gắt với hàng NK, hiện nay, công ty chỉ sản xuất 1.000-1.200 tấn/tháng, đáp ứng khoảng 50% nhu cầu thị trường tiêu dùng trong nước.

Hiện tại, hạt nhựa EPS của công ty đã được XK sang Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Thổ Nhĩ Kỳ, Pakistan và có uy tín trong tất cả các nhà máy sản xuất hạt nhựa EPS, PS trên thế giới.

Công ty cho biết, tuy chất lượng ngang nhau nhưng do thị hiếu của người tiêu dùng ưa dùng hàng NK nên sản phẩm hạt nhựa trong nước vẫn không thể cạnh tranh được với hàng NK mặc dù giá bán luôn thấp hơn khoảng 15 USD/tấn.

Trong văn bản gửi Bộ Tài chính, công ty đã đề nghị xem xét và điều chỉnh thuế NK của mặt hàng EPS, PS lên 5% để hạn chế NK mặt hàng này và bảo hộ sản xuất trong nước, đồng thời, giúp DN yên tâm, mạnh dạn đầu tư lâu dài và phát triển những dự án tiếp theo.

Hạt nhựa EPS là hạt Polystyrene nguyên sinh co giãn tổng hợp, chống nước, không bị ăn mòn bởi kiềm hay axit, là nguồn nguyên liệu để sản xuất tấm đóng trần nhà để cách nhiệt, nón bảo hiểm, các xốp chèn trong đồ điện tử, thùng đựng trái cây, đựng hải sản...

Mặt hàng PS dạng nguyên sinh tương tự như mặt hàng EPS là Polystyrene, chỉ có dạng hạt, khác nhau ở tính năng sử dụng (loại giãn nở và loại không giãn nở).